TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2025/HS-ST
Ngày: 18 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Phạm Văn Dung

Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 17 và 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2025/HSST-QĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975, tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1950 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1955; Có chồng Võ Tấn P, sinh năm 1974 và 02 con. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Bùi Thị Bé P1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt ngày 17/6/2025; vắng mặt ngày 18/6/2025)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/11/2023, bà Bùi Thị Bé P1 có đơn tố cáo hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thị H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp nhận, xác minh nội dung đơn, đã triệu tập Nguyễn Thị H đến làm việc. Tại đây, H khai nhận: Vào các ngày 14/02/2023, 26/02/2023 và 22/3/2023, P1 có nhu cầu vay tiền nên đã hỏi vay tiền của H, nhưng do H không có tiền nên H đã liên hệ với Nguyễn Ngọc T, T thông báo có cho vay với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Sau đó, H nói lại với P1 thì P1 đồng ý vay.

Sau đó, T nhờ Nguyễn Ngọc Thanh T2 sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 61110000550438 của T2 chuyển tiền cho vay vào số tài khoản ngân hàng A số 4801215026445 của Nguyễn Thị H, sau đó H chuyển lại số tiền trên cho P1 vay. P1 sử dụng 02 tài khoản ngân hàng A số 4801205173102 và 4801215027136 để nhận tiền gốc và chuyển trả tiền lãi. P1 chuyển trả tiền lãi cho H đến ngày 05/5/2023, sau đó P1 trực tiếp chuyển trả tiền lãi cho T thông qua tài khoản ngân hàng của T2. T đã cho P1 vay 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/02/2023, P1 vay số tiền 50.000.000 đồng, trả lãi đứng theo ngày với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (150.000 đồng/ ngày), tương đương 0,3%/ ngày, 9%/tháng, 108%/năm gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đến ngày 06/9/2023, P1 không còn khả năng trả nợ, tổng số ngày P1 đã trả lãi cho T là 204 ngày.

Tổng số tiền lãi P1 đã trả cho T là: 150.000 đồng x 204 ngày = 30.600.000 đồng.

Tổng số tiền lãi P1 phải trả cho T theo quy định của Bộ luật Dân sự là: (50.000.000 đồng x 20%/365 ngày) x 204 ngày = 5.589.041 đồng.

Tổng số tiền lãi T thu lợi bất chính trong lần 1 là: 30.600.000 đồng - 5.589.041 đồng = 25.010.959 đồng.

Lần 2: Ngày 27/02/2023, P1 vay số tiền 35.000.000 đồng, trả lãi đứng theo ngày với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (105.000 đồng/ ngày), tương đương 0,3%/ ngày, 9%/tháng, 108%/năm gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đến ngày 06/9/2023, P1 không còn khả năng trả nợ, tổng số ngày P1 đã trả lãi cho T là 192 ngày.

Tổng số tiền lãi P1 đã trả cho T 2 là: 105.000 đồng x 192 ngày = 20.160.000 đồng.

Tổng số tiền lãi P1 phải trả cho T theo quy định của Bộ luật Dân sự là: (35.000.000 đồng x 20%/365 ngày) x 192 ngày = 3.682.191 đồng.

Tổng số tiền lãi T thu lợi bất chính trong lần 2 là: 20.160.000 đồng - 3.682.191 đồng = 16.477.809 đồng.

Lần 3: Ngày 22/3/2023, P1 vay số tiền 70.000.000 đồng, trả lãi đứng theo

ngày với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (210.000 đồng/ ngày), tương đương 0,3%/ ngày, 9%/tháng, 108%/năm gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đến ngày 06/9/2023, P1 không còn khả năng trả nợ, tổng số ngày P1 đã trả lãi cho T là 168 ngày.

Tổng số tiền lãi P1 đã trả cho T là: 210.000 đồng x 168 ngày = 35.280.000 đồng.

Tổng số tiền lãi P1 phải trả cho T theo quy định của Bộ luật Dân sự là: (70.000.000 đồng x 20%/365 ngày) x 168 ngày = 6.443.835 đồng.

Tổng số tiền lãi T thu lợi bất chính trong lần 3 là: 35.280.000 đồng - 6.443.835 đồng = 28.836.165 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc P1 chưa trả cho T trong 03 lần vay là: 155.000.000 đồng và tổng số tiền lãi T thu lợi bất chính từ P1 trong 03 lần cho vay là: 70.324.932 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định: Vào ngày 16/8/2023, Mã Tuyết H1 cho bà Bùi Thị B P1 vay số tiền 200.000.000 đồng, trả lãi đứng hàng tháng với lãi suất 6%/tháng, tương đương 72%/năm (gấp 3,6 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). P1 đã đóng lãi được 02 tháng với số tiền 20.000.000 đồng thì mất khả năng chi trả. Đến nay, P1 vẫn còn nợ Hằng số tiền gốc là 200.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKSPT-HS ngày 22/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

1. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1.1 *Về trách nhiệm hình sự:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng;

1.2 Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bà Bùi Thị Bé P1 trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc chưa trả là 155.000.000 đồng; Đây là số tiền bị cáo T dùng để cho vay thực hiện hành vi phạm tội, do đó buộc bị cáo T nộp lại số tiền này để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp lại số tiền: 15.715.069 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của bà Bùi Thị Bé P1 để tịch thu sung quỹ nhà nước

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại số tiền lãi vượt quá lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự cho bà Bùi Thị Bé P1 là 70.324.931 đồng.

2. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và không có khiếu nại gì của những người tham gia tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định tội danh và buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 14/02/2023 đến ngày 22/3/2023, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi cho Bùi Thị B P1 vay tiền 03 lần dưới hình thức trả lãi đứng hàng ngày tổng số tiền 155.000.000 đồng với lãi suất 108%/năm gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, để thu lợi bất chính số tiền 70.324.932 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của Nguyễn Ngọc T đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Bé P1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có cha chồng là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

[6.1] Buộc bà Bùi Thị Bé P1 nộp lại số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc T là 155.000.000 đồng. Đây là số tiền gốc bị cáo T dùng để cho vay thực hiện hành vi phạm tội, do đó buộc bà Bùi Thị B P1 nộp lại số tiền này để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6.2] Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp lại số tiền: 15.715.069 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của bà Bùi Thị Bé P1 để tịch thu sung quỹ nhà nước

[6.3] Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại số tiền lãi vượt quá lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự cho bà Bùi Thị Bé P1 là 70.324.931 đồng.

[7] Đối với Nguyễn Thị H là người đã liên hệ với T cho P1 vay tiền, H không được hưởng lợi, không cố ý giúp sức cho T để cho P1 vay tiền nên hành vi của H không đồng phạm với T. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với Mã Tuyết H1 có hành vi cho Bùi Thị B P1 vay tiền với lãi suất 6%/tháng gấp 3,6 lần lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự, do đó hành vi của H1 không cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nên không xem xét xử lý đối với H1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với Lê Thị Thu H2 và Nguyễn Thụy H3 có hành vi cho bà Bùi Thị B P1 vay tiền. Do các bên đã thỏa thuận và được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận; qua điều tra chưa xác định được tổng số tiền vay, tiền lãi mà bà Bùi Thị B P1 vay từ H2 và H3 nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách tài liệu liên quan đến hành vi của H2 và H3 để làm rõ, xử lý sau. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

[2] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và

việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

[2.1] Buộc bà Bùi Thị Bé P1 nộp lại số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc T là 155.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo T dùng để cho vay thực hiện hành vi phạm tội, do đó buộc bà Bùi Thị B P1 nộp lại số tiền này để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[2.2] Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp lại số tiền: 15.715.069 đồng là tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của bà Bùi Thị Bé P1 để tịch thu sung quỹ nhà nước

[2.3] Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại số tiền lãi vượt quá lãi suất 20% theo quy định của Bộ luật Dân sự cho bà Bùi Thị Bé P1 là 70.324.931 đồng.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự (ngày 18/6/2025).

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP. P;
- Người TGTT;
- Chi Cục THADS TP. P;
- Phân trại TG khu vực P - PC 11 CABT;
- PV06, PC 02.
- Công an, UBND xã T, TP.P;
- Lưu: Hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Xuân Vi